

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo văn bản số 103/CV-GML ngày 28/12/2020)

1. Biểu giá dịch vụ tại cảng biển

Tất cả giá trong bảng niêm yết, đã bao gồm VAT (nếu có). Trong trường hợp dịch vụ phát sinh được hưởng mức thuế khác sẽ căn cứ vào các quy định về thuế suất để thi hành.

KHAI THÁC TÀU QUỐC TẾ

Đơn vị tính: USD

Khai thác sà lan nội địa	Type	GEMALINK		
		20'	40'	45'
Xếp/ dỡ conts xuất/nhập khẩu	Hàng	58.00	85.00	94.00
Xếp/ dỡ conts xuất/nhập khẩu	Rỗng	36.00	54.00	60.00
Sắp xếp lại conts trong cùng khoang	Hàng	58.00	85.00	94.00
Sắp xếp lại conts trong cùng khoang	Rỗng	36.00	54.00	60.00
Sắp xếp lại conts qua cầu cảng	Hàng	116.00	170.00	188.00
Sắp xếp lại conts qua cầu cảng	Rỗng	72.00	108.00	120.00
Xếp/dỡ conts trung chuyển (từng lần)	Hàng	35.00	51.00	57.00
Xếp/dỡ conts trung chuyển (từng lần)	Rỗng	22.00	32.00	36.00
Phụ phí hàng nguy hiểm		50%	50%	50%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải		200%	200%	200%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG1: cao 1-2m, rộng >3m)		165.00	165.00	165.00
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG2: cao >2m)		275.00	275.00	275.00
Phụ phí dịch vụ xếp dỡ đặc biệt		50.00	50.00	50.00

Phí cầu bến	Type	GEMALINK		
		20'	40'	45'
Phí cầu bến/GT/giờ		0.0031		
Xếp dỡ thùng gù (xếp & dỡ)		60.00		
Xếp dỡ nắp hầm hàng (xếp & dỡ)		120.00		

Chằng buộc/ tháo chằng buộc		GEMALINK		
-----------------------------	--	----------	--	--

	Type	In	Out	
Tàu LOA < 170m		100.00	100.00	
Tàu LOA 170m trở lên		150.00	150.00	

KHAI THÁC TÀU NỘI ĐỊA

Đơn vị tính: VND

Khai thác tàu nội địa		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
Xếp/ dỡ conts trên tàu từng lần	Hàng	385,000	594,000	880,000
Xếp/ dỡ conts trên tàu từng lần	Rỗng	209,000	319,000	473,000
Sắp xếp lại conts trong cùng khoang	Hàng	385,000	594,000	880,000
Sắp xếp lại conts trong cùng khoang	Rỗng	209,000	319,000	473,000
Sắp xếp lại conts qua cầu cảng	Hàng	770,000	1,188,000	1,760,000
Sắp xếp lại conts qua cầu cảng	Rỗng	418,000	638,000	935,000
Phụ phí hàng nguy hiểm		50%	50%	50%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải		200%	200%	200%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG1: cao 1-2m, rộng >3m)		3,740,000	3,740,000	3,740,000
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG2: cao >2m)		6,270,000	6,270,000	6,270,000

Phí cầu bến	GEMALINK	
Phí cầu bến/GT/giờ		16.5
Xếp dỡ thùng gù (xếp & dỡ)		880,000
Xếp dỡ nắp hầm hàng (xếp & dỡ)		2,000,000

Chằng buộc/ tháo chằng buộc		GEMALINK		
	Type	In	Out	
Tàu LOA < 170m		3,000,000	3,000,000	
Tàu LOA 170m trở lên		4,500,000	4,500,000	

KHAI THÁC SÀ LAN NỘI ĐỊA

Đơn vị tính: VND

Khai thác sà lan nội địa		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
Xếp/dỡ const trên sà lan (từng lần)	Hàng	352,000	539,000	539,000

Xếp/dỡ const trên sà lan (từng lần)	Rỗng	352,000	539,000	539,000
Sắp xếp lại conts trên cùng khoang		352,000	539,000	539,000
Sắp xếp lại conts qua cầu cảng		700,000	1,100,000	1,100,000
Phụ phí conts open top		25%	25%	25%
Phụ phí hàng nguy hiểm		50%	50%	50%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải		200%	200%	200%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG1: cao 1-2m, rộng >3m)		3,740,000	3,740,000	3,740,000
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG2: cao >2m)		6,248,000	6,248,000	6,248,000

Dịch vụ vận chuyển sà lan từ/đến HCMC	Type	GEMALINK		
		20'	40'	45'
Conts nhập khẩu/ xuất khẩu	Hàng	825,000	1,650,000	2,090,000
Conts nhập khẩu/ xuất khẩu	Rỗng	825,000	1,650,000	2,090,000
Conts lạnh	Hàng	1,210,000	2,200,000	2,640,000
Phụ phí conts open top		25%	25%	25%
Phụ phí hàng nguy hiểm		50%	50%	50%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải		case by case	case by case	case by case

Phí cầu bến	Type	GEMALINK		
		20'	40'	45'
Phí cầu bến/sà lan/chuyên	Hàng	110,000.00		

DỊCH VỤ KHAI THÁC TẠI BÃI VÀ TẠI CẢNG CẢNG

Đơn vị tính: VND

Dịch vụ giao nhận hàng tại cảng	Type	GEMALINK		
		20'	40'	45'
Dịch vụ giao nhận hàng tại cảng	Hàng	319,000	528,000	627,000
Dịch vụ giao nhận hàng tại cảng	Rỗng	220,000	396,000	473,000
Dịch vụ giao nhận hàng RF tại cảng	Hàng	352,000	583,000	687,500
Dịch vụ giao nhận hàng RF tại cảng	Rỗng			

		242,000	434,500	517,000
Phụ phí hàng nguy hiểm		50%	50%	50%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG)		200%	200%	200%
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG1: cao 1-2m, rộng >3m)		1,980,000	1,980,000	1,980,000
Phụ phí hàng quá khổ, quá tải (OOG2: cao >2m)		3,300,000	3,300,000	3,300,000

Phí lưu bãi - Conts khô/ngày		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
0 - 5 ngày	All	free	free	free
Từ ngày thứ 6	Hàng	77,000	154,000	165,000
Từ ngày thứ 6	Rỗng	64,000	128,000	128,000

Phí lưu bãi - Conts lạnh/ngày		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
0 - 2 ngày	All	free	free	free
Từ ngày thứ 3	Hàng	500,500	1,001,000	1,100,000
Từ ngày thứ 3	Rỗng	64,000	128,000	128,000

Phí lưu bãi - Conts quá khổ quá tải, Flat rack, nguy hiểm/ngày		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
0 - 5 ngày	All	free	free	free
Từ ngày thứ 6	Hàng	154,000	297,000	330,000
Từ ngày thứ 6	Rỗng	154,000	297,000	330,000

Dịch vụ cho conts lạnh		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
Cắm/rút phích điện		132,000	132,000	132,000
Tiền điện & theo dõi vận hành	/giờ	50,000	77,000	77,000
Cung cấp dữ liệu conts lạnh		319,000	319,000	319,000
Kiểm định conts lạnh		528,000	528,000	528,000

Dịch vụ bảo trì và sửa chữa container		GEMALINK		
	Type	20'	40'	45'
Phân loại giám định	Rỗng	30,000	30,000	30,000
Vệ sinh bằng nước	Rỗng	209,000	308,000	363,000
Vệ sinh bằng hóa chất	Rỗng			

		935,000	935,000	935,000
Xoay chuyển hướng conts trên xe tải		473,000	781,000	880,000
Đo hàng hóa quá khổ không khai báo		1,100,000	1,100,000	1,100,000
Tháo/ phủ bạt che conts		792,000	1,320,000	1,320,000
Thay đổi loại hình/ phân loại conts		132,000	132,000	132,000
Thay đổi hành trình		132,000	132,000	132,000
Thay đổi cảng đích		132,000	132,000	132,000
Thay đổi thông tin VGM		132,000	132,000	132,000
Cân conts (phát hành VGM)		770,000	770,000	770,000
Cân conts (không phát hành VGM)		231,000	231,000	231,000
Lắp thiết bị cho conts lạnh		3,355,000	3,355,000	3,355,000

Đơn vị tính: USD

Dịch vụ trung chuyển giữa các cảng và khai báo hải quan	Type	GEMALINK		
		20'	40'	45'
Vận tải đường bộ giữa Cảng và các cảng khu vực Cái Mép và ngược lại	Hàng	27.50	33.00	33.00
Vận tải đường bộ giữa Cảng và các cảng khu vực Cái Mép và ngược lại	Rỗng	24.20	29.70	29.70
Dịch vụ khai báo hải quan chuyển cảng trong khu vực Cái Mép	Hàng	11.00	11.00	11.00
Dịch vụ khai báo hải quan chuyển cảng trong khu vực Cái Mép	Rỗng	3.30	3.30	3.30
Dịch vụ khai báo hải quan hàng trung chuyển quốc tế	Hàng	11.00	11.00	11.00
Dịch vụ khai báo hải quan cho conts rỗng xuất khẩu	Rỗng	2.75	2.75	2.75

Ghi chú:

- Đơn giá xếp dỡ, nâng hạ quy định trên chỉ áp dụng cho container thông thường, trong trường hợp container lạnh, quá khổ, nguy hiểm,... sẽ được tính tăng thêm 50% đơn giá so với container thường. Ngoài ra, các trường hợp thực hiện đóng rút hàng tại cảng sẽ căn cứ thêm vào loại hàng hóa, cách thức thực hiện đóng rút để tính thêm phụ phí tăng từ 50% - 100% - 200% đơn giá niêm yết.

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

- Biểu giá niêm yết được xây dựng trên các yếu tố hình thành giá để phù hợp với quy định về mức giá tối thiểu và mức giá tối đa được quy định trong thông tư 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao Thông Vận Tải “Ban hành khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam”

- Ngoài ra, các đơn giá dịch vụ tại bãi được xây dựng trên cơ sở mặt bằng giá chung của khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu và các chi phí liên quan đến từng dịch vụ.

3. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu,... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

- Trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng xuất nhập khẩu, cảng Gemalink sẽ thực hiện chính sách ưu đãi cho khách hàng thân thiết, dựa trên mức sản lượng hàng tháng khách hàng thông qua cảng. Cụ thể với khách hàng Kim Cương được hưởng chiết khấu 5% phí nâng/hạ tại bãi, khách hàng Vàng được chiết khấu 4% phí nâng/hạ tại bãi, khách hàng Bạc được chiết khấu 3% phí nâng/hạ tại bãi và trừ trực tiếp trên hóa đơn phát sinh của tháng sau.

- Các khách hàng có hợp đồng thanh toán sau dài hạn, cảng Gemalink sẽ áp dụng chính sách giá đã thỏa thuận trên hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2021

Công ty Cổ Phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link cam kết về việc các sản phẩm, dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân, sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 và Điều 12 – Luật giá số 11/2012/QH13

Công ty Cổ Phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Thương Vụ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



ĐỖ CÔNG KHANH

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị